TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19-9-2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Tuấn**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Hoàng Thị Bích Ngọc**
2. Bà **Trần Thị Yến Nhi**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Bà **Trương Thị Liên** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 217/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Trần Thị Mỹ L – sinh năm 1984

Nơi cư trú: ấp 6, xã T (xã L, huyện Tân Phú cũ), tỉnh Đồng Nai

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn L1 – sinh năm 1978

Nơi cư trú: ấp 4, xã N (xã N, huyện Tân Phú cũ), tỉnh Đồng Nai.

(chị Lệ, anh L1 có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2025; lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn là chị Trần Thị Mỹ L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh L1 tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2004 đăng ký kết hôn vào ngày 09/4/2004 tại (xã N, huyện Tân Phú cũ) nay là xã Tà Lài, tỉnh Đồng Nai. Đời sống hôn nhân vợ chồng chị không thật sự hạnh phúc do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung nên hay cãi vã, xung đột, đỉnh điểm là tháng 11/2023, anh L1 nhậu say về chửi và đuổi đánh chị nên chị đã dọn ra ở riêng. Vì vậy từ năm 2023 chị và anh L1 đã không còn sống chung với nhau, đến năm 2024 anh L1 bị xét xử và hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Thủ Đức. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn L1.

Về con chung: chị và anh L1 có 03 con chung là Nguyễn Sơn T - sinh ngày 11/4/2005; Nguyễn Thị Kiều M – sinh ngày 05/5/2008; Nguyễn Hoàng Minh Đ – sinh ngày 04/8/2012. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu M, cháu Đ, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu T hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời trình bày của anh Nguyễn Văn L1 như sau:

Về hôn nhân: anh và chị Trần Thị Mỹ L tự nguyên kết hôn năm 2004 đăng ký kết hôn tại UBND xã Núi Tượng cũ. Vợ chồng anh không có xảy ra mâu thuẫn gì, hiện anh đang chấp hành án về tội "Chống người thi hành công vụ" mức án 02 năm 06 tháng tù. Trong thời gian anh đi chấp hành án thì chị L không hề đến thăm nuôi anh vì vậy giữa anh và chị L còn nhiều vấn đề cho giải quyết hết nên anh không đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: anh và chị L có 03 con chung là Nguyễn Sơn T - sinh ngày 11/4/2005; Nguyễn Thị Kiều M – sinh ngày 05/5/2008; Nguyễn Hoàng Minh Đ – sinh ngày 04/8/2012. Hiện nay anh đang chấp hành án nên không có ý kiến và yêu cầu gì, tùy thuộc vào ý kiến, nguyện vọng của các con.

Về tài sản, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến*:**

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tống đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị L, cho chị Trần Thị Mỹ L được ly hôn với anh Nguyễn Văn L1.

- Về con chung: Giao con chung là 02 con chung là Nguyễn Thị Kiều M – sinh ngày 05/5/2008; Nguyễn Hoàng Minh Đ – sinh ngày 04/8/2012 cho chị L nuôi dưỡng, anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu. Cháu Nguyễn Sơn T - sinh ngày 11/4/2005 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản, nợ chung: không giải quyết.

- Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: bị đơn anh Nguyễn Văn L1 cư trú xã N, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị L yêu cầu khởi kiện ly hôn tranh chấp nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: chị Trần Thị Mỹ L là nguyên đơn; anh Nguyễn Văn L1 là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp L các văn bản tố tụng cho các đương sự, chị Lệ, anh L1 có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về đường lối giải quyết vụ án:

[5.1] Về hôn nhân: Chị Lệ, anh L1 tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/4/2004 tại UBND xã Núi Tượng, huyện Tân Phú cũ) nay là xã Tà Lài, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, hôn nhân giữa chị Lệ, anh L1 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Đời sống hôn nhân của chị Lệ, anh L1 thường hay phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, việc này phù hợp với biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng và lời thừa nhận của các đương sự. Từ những lý do nêu trên, xác định được chị Lệ, anh L1 trong quá trình sống chung đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình thì yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh L1 là có cơ sở chấp nhận.

[5.2] Về con chung: Xét thấy các cháu My, Đức có nguyện vọng sống chung cùng ba (anh Lộc) nhưng hiện nay anh L1 đang chấp hành án phạt tù nên việc giao con cho anh L1 nuôi dưỡng là không đảm bảo, ngoài ra chị L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu My, cháu Đức. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Nguyễn Thị Kiều My – sinh ngày 05/5/2008; Nguyễn Hoàng Minh Đức – sinh ngày 04/8/2012 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L1 có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đối với cháu Nguyễn Sơn T - sinh ngày 11/4/2005 hiện đã trưởng thành

và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

[5.3] Về tài sản và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 207, 220, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 85, 91 Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, L phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Mỹ L. Chị Trần Thị Mỹ L được ly hôn với anh Nguyễn Văn L1.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kiều M – sinh ngày 05/5/2008; Nguyễn Hoàng Minh Đ – sinh ngày 04/8/2012 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh L1 không phải thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con. Anh L1 có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Đối với cháu Nguyễn Sơn Tùng - sinh ngày 11/4/2005 hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn. Được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số 0020755 ngày 06/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Đồng Nai, Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai). Chị L đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 8 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Tà Lài, để ghi vào sổ hộ tịch)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Văn Tuấn